

Bản án số: 01/2020/HC-ST

Ngày: 04-06-2020

V/v: *Khiếu kiện Văn bản số 11 ngày
04/5/2018 của Ủy ban nhân dân thị
trấn YT*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YM - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Diệu Oanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Muội

Ông Lưu Xuân Hạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh là thư ký Tòa án nhân dân huyện YM

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YM tham gia phiên tòa:

Bà Giang Thị Quỳnh Loan - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 05 năm 2020 và ngày 04 tháng 06 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện YM xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2019/TLST-HC ngày 04 tháng 01 năm 2019 về khiếu kiện Văn bản số 11/CV-UBND ngày 04/5/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn YT theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HC ngày 23 tháng 03 năm 2020, Thông báo về việc thay đổi thời gian xét xử số 01 ngày 27 tháng 03 năm 2020, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 01/TB-TA ngày 28/05/2020, giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông Đỗ Văn T, sinh năm 1943

Địa chỉ: Khu phố BY, thị trấn YT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thị trấn YT

Địa chỉ: Phố TY, thị trấn YT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: ông Đặng Viết M - Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn YT là người đại diện theo pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Ngọc H - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn YT (Văn bản ủy quyền ngày 23 tháng 04 năm 2020, Văn bản ủy quyền ngày 03/06/2020).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Bùi Thị Thanh Th, địa chỉ: Khu phố BY, thị trấn YT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo ủy quyền của Bà Bùi Thị Thanh Th: Ông Đỗ Văn T (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 12 năm 2018)

- Ông Vũ Văn H1, địa chỉ: Khu phố BY, thị trấn YT, huyện YM, tỉnh Ninh Bình.

4. Người làm chứng:

- Ông Trần Văn Ch, sinh năm: 1957

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm: 1967

- Ông Đỗ Xuân H2, sinh năm: 1958

- Ông Đỗ Ngọc O, sinh năm: 1958

Tại phiên tòa có mặt: Ông T, ông H1anh, ông Vũ Văn H1; vắng mặt: Bà Th, ông Đỗ Xuân H2, ông O, bà C, ông Ch có mặt tại phiên tòa ngày 07/05/2020 và vắng mặt tại phiên tòa ngày 04/06/2020 (Bà C, ông O, ông Ch có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 5 tháng 7 năm 2018, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Đỗ Văn T trình bày:

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Ủy ban nhân dân huyện YM cấp cho ông số N1693/QSDĐ/HYM ngày 28/4/1997 có 82m² đất tại thửa 179, không ghi ở đâu. Tại sổ thanh toán hộ hàng năm của ông nộp cho Hợp tác xã có ghi 82m² đất ở tại vườn sãi. Năm 2003, khi dồn điền đổi thửa ông được dồn đổi 82m² đất ở vườn sãi thành 119m² đất liền kề với phía bắc 232m² ao nhà ông đang quản lý sử dụng, khi đó có các ông: Đỗ Xuân H2 trưởng ban, Đỗ Ngọc O đội trưởng sản xuất khu II, Trần Văn Ch phụ trách ruộng đất, Phạm Văn Nh chủ tịch mặt trận ra hiện trường giao đất 119m², kích thước phía đông 7m, phía tây 7m, phía nam 17m, phía bắc 17m. Vợ ông là Bà Bùi Thị Thanh Th trực tiếp nhận. Vũ Văn H1 giăng dây đóng cọc kích thước 119m². Giấy giao đất do bà Nguyễn Thị C đội trưởng sản xuất khu II YH đang giữ. Sau khi được giao 119m² gia đình ông đã tôn cao khoảng 32m² ở phía nam thổ đất bằng bờ ao nhà ông. Áp liền kề 119m² phía tây Ban dồn điền đổi thửa tiếp tục giao cho ông khoảng 18m² và ông đã tôn cao bằng 32m² ông đã tôn thửa 119m². Số đất còn lại gia đình ông có việc phải ra Hà Nội, Vũ Văn H1 thuê máy xúc đất để san thổ sâu khoảng 1,5m. Khi gia đình ông về san lấp chút ít, hai bên gia đình xảy ra tranh chấp, ngày 23/12/2014 ông làm đơn đề nghị UBND thị trấn về việc Vũ Văn H1 chửi bới ông. Đến ngày 04/5/2018 UBND thị trấn ban hành Văn bản số 11/CV-UBND trả lời chuyển vị trí đất của nhà ông sang chỗ khác. Nội dung trả lời của UBND thị trấn hoàn toàn sai sự thật, khu II thôn YH khu đất vườn

sãi đã đào mương qua ao nhà ông trước khi dồn điền đổi thửa, quỹ đất còn lại mới chia cho các hộ gia đình nhưng UBND thị trấn YT trả lời mới có dự kiến đào mương là không đúng. UBND thị trấn YT xác định vị trí 119m² là phía bắc giáp ruộng lúa, phía nam giáp ao ông H1, phía đông giáp ao ông án, phía tây giáp ruộng là hoàn toàn sai sự thật. Ông đề nghị hủy Văn bản số 11/CV-UBND ngày 4/5/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn YT, huyện YM.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại ngày 22/5/2019 ông T yêu cầu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn H1 phải bồi thường số tiền 33.750.000 đồng do súc đất tại diện tích 119m².

Ngày 02/3/2020 UBND thị trấn YT ban hành văn bản số 07/UBND-VP về việc hủy bỏ Văn bản số 11/CV-UBND do việc ban hành văn bản có sai sót về thể thức và thẩm quyền, ông T xác định việc ban hành Văn bản số 11/CV-UBND của Ủy ban nhân dân thị trấn YT là sai hoàn toàn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại các văn bản ghi ý kiến của người bị kiện về yêu cầu khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người bị kiện - UBND thị trấn YT trình bày:

Năm 1993, khi chia ruộng cho nhân dân canh tác hộ ông T được chia ruộng trong đó có thửa đất tại xứ đồng Tầm Vạc thửa 597 và ông Nghị được chia tại thửa 178, ông T và ông Ngh có đổi ruộng cho nhau. Sau đó ông T lấy thửa đất đổi của ông Ngh để đổi cho ông H1 đất tại thửa 177 để tiện cho việc sử dụng vì thửa 177 nằm giáp ngay sau nhà ông T. Phần đất đổi của ông H1 thửa 177, ông T làm ao thả cá. Tất cả việc trao đổi này được các bên thừa nhận nhưng chưa làm thủ tục tại cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, thửa 177 vẫn mang tên ông H1, thửa 178 mang tên ông Nghị, thửa 597 vẫn mang tên ông T trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2003, thị trấn YT có tổ chức dồn điền đổi thửa, trong đó có đất canh tác của hai hộ ông T và ông H1. Khi dồn điền đổi thửa tiểu ban dồn điền đổi thửa khu II đặt quy hoạch làm mương và rãnh nước phía sau sát khu dân cư dãy 1 đường 12B (phía sau thổ ông T) với diện tích 119m² và đất này thuộc đất đã cấp cho ông Vũ Văn H1 (trong sổ chia ruộng ghi chú khi nào đội 7 đào mương qua diện tích đội 6 thì đội 7 sẽ trả lại diện tích đất đào mương cho ông Vũ Văn H1), vì vị trí dự kiến đào mương lấy vào đất đã giao cho ông H1 nên Ban dồn điền đổi thửa đã để lại 119m² đất tại vị trí khác ở thửa 179 để trả lại cho diện tích đất quy hoạch làm mương, do ông T đang sử dụng ao của ông H1 nên Ban dồn điền đổi thửa có ghi dự kiến trả diện tích đào mương sang vị trí mới giáp ao ông Hán ghi tên ông Đỗ Văn T. Trả lời tại Văn bản 11 của UBND thị trấn dựa trên phiếu thửa và tài liệu lưu trữ tại địa phương, ý kiến của tiểu ban dồn điền đổi thửa.

Về diện tích 82m² tại thửa 179 tờ bản đồ số 5 tại khu vực Vườn sãi mà ông T cho rằng 82m² này đã được dồn đổi thành 119m² đất giáp phía bắc ao ông T và ông H1 đã đổi cho nhau và hiện nay ông T đang sử dụng: Trong quá trình UBND thị

trần giải quyết đơn đề nghị, ông T hoàn toàn không đề cập đến nội dung này, chỉ đề nghị xác định vị trí diện tích 119m² được giao sau khi dồn điền đổi thửa. UBND thị trấn đã căn cứ tài liệu đang lưu trữ, ý kiến của tiểu ban dồn điền đổi thửa và xác định có 119m² đất dự kiến đào mương nên UBND thị trấn đã ban hành Văn bản 11/CV-UBND để trả lời ông T. Sau khi Tòa án nhân dân huyện thụ lý vụ án, UBND thị trấn đã kiểm tra để xác định vị trí 82m² đất ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng năm 1997. Do việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã lâu, cán bộ địa chính có sự luân chuyển, hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất những năm trước không được chặt chẽ nên ban đầu Ủy ban thị trấn xác định 82m² đất lấn màu trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nằm trong khung thổ nhà ông T. Tuy nhiên, sau này UBND thị trấn làm việc với Ban dồn điền đổi thửa xác định 82m² này là đất được cấp ngoài đồng cho ông T. Đến năm 2003 thực hiện chủ trương dồn điền đổi thửa, diện tích đất nông nghiệp (trừ đất vườn, đất ao) của các hộ dân đều đưa vào dồn điền đổi thửa, 82m² đất cấp ngoài đồng của hộ ông T cũng được dồn điền và đã được cấp đổi vào vị trí cấp đất nông nghiệp cho hộ gia đình ông T. Tại sổ địa chính sau dồn điền đất nông nghiệp của hộ ông T thể hiện: Tờ bản đồ số 4 thửa 407 địa danh đồng gốc 1092m², tờ bản đồ số 5 thửa 26 địa danh sau ông My 160m², tờ bản đồ số 5 thửa 179 địa danh “lấn màu” 98m². Vì vậy, căn cứ vào sổ địa chính sau dồn điền, phiếu thửa năm 2003, ý kiến của các thành viên tiểu ban dồn điền đổi thửa khu II YH, UBND thị trấn xác định khi dồn điền đổi thửa năm 2003, ông T không được cấp 119m² đất nông nghiệp tại thửa 179 có vị trí tiếp giáp ao ông H1 và ông T đã đổi cho nhau và thực tế ông T đang sử dụng.

Ngày 02/3/2020, UBND thị trấn YT đã ban hành văn bản số 07/UBND-VP hủy toàn bộ nội dung văn bản số 11/CV-UBND ngày 4/5/2018 do có sai sót về thể thức và thẩm quyền. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T về việc hủy Văn bản số 11/CV-UBND ngày 4/5/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn YT.

Tại Đơn đề nghị và quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn H1 trình bày: Năm 1993 có việc đổi đất giữa ông T, ông H1 và ông Nghị, việc đổi đất chỉ bằng miệng, không qua chính quyền địa phương. Thửa đất 313 của ông đổi cho ông T áp với đất thổ cư của ông T. Quá trình sử dụng ông T đã thay đổi hiện trạng, đào ao. Năm 2003 dồn điền đổi thửa thì đất của ai vẫn trên thửa đã được chia và vẫn có tên trên sổ sách, còn thực tế các ông vẫn sử dụng đất như đã đổi. Năm 2003, tiểu ban dồn điền đổi thửa có quy hoạch đào mương nên đã để lại dự phòng đất đào mương khi đội 7 đào mương qua đội 6 thì đội 7 trả đất cho đội 6 tại vị trí khác; vị trí đào mương qua diện tích đất ao ông H1 đã đổi cho ông T nên ban dồn điền đổi thửa dự kiến trả vị trí khác tại vảnh ao ông H1án tại thửa 179. Về diện tích 82m² ông T khai đã được Ban dồn điền đổi thửa dồn đổi vào vị trí giáp ao ông T đang sử dụng, đây là diện tích ông đã mua của ông Đỗ Văn B có giấy tờ nên thuộc quyền quản lý hợp pháp của ông, việc ông T đòi 119m² là

không có căn cứ. Ông không nhất trí với yêu cầu của ông T về việc đòi ông phải bồi thường số tiền 33.750.000đ.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Việc tuân theo pháp luật: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng hành chính; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện YM nghiên cứu đúng thời gian. Tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 31, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Căn cứ vào Điều 22, Điều 23 Luật đất đai 2003, Điều 28 Luật tiếp công dân, Điều 5, Điều 36, Điều 121, Điều 122 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Điều 10 Nghị định 110/NĐ-CP ngày 8/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư được sửa đổi bổ sung tại Nghị định số 09 ngày 08/02/2010 của Chính phủ; Thông tư 01/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ nội vụ về hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản; Căn cứ Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T; hủy toàn bộ Văn bản số 11/CV-UBND ngày 4/5/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn YT. Yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn YT giải quyết đơn đề nghị của ông Đỗ Văn T theo quy định của pháp luật. Về việc xác định diện tích 119m² có thuộc quyền sử dụng của hộ ông T hay không thì cần khởi kiện vụ án dân sự giải quyết theo trình tự pháp luật.

Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thị trấn YT phải nộp án phí hành chính sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 04/05/2018 Ủy ban nhân dân thị trấn YT, huyện YM ban hành Văn bản số 11/CV-UBND giải quyết đề nghị của ông Đỗ Văn T về việc xác định vị trí diện tích 119m² giao cho hộ gia đình ông sau khi dôn điền đổi thửa năm 2003.

Văn bản số 11/CV-UBND về việc giải quyết đề nghị của ông Đỗ Văn T là quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án bằng vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính.

Sau khi nhận được Văn bản 11/CV-UBND, ông T cho rằng đây là quyết định hành chính trái pháp luật, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông.

Ngày 02/01/2019, ông T trực tiếp nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện YM yêu cầu hủy Văn bản số 11/CV-UBND ngày 04/05/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn YT, huyện YM, là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện YM, tỉnh Ninh Bình đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật tổ tụng hành chính.

[2] *Về nội dung:*

[2.1] Tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức của Văn bản số 11/CV-UBND:

Ông Đỗ Văn T đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn YT xác định vị trí diện tích đất 119m² đã giao cho hộ ông sau khi dồn điền đổi thửa. Ủy ban nhân dân thị trấn YT ban hành văn bản hành chính trả lời ông T là đúng quy định tại Điều 28 Luật tiếp công dân.

Về hình thức văn bản: Việc ghi ký hiệu “Số 11/CV-UBND” và ghi quyền hạn người ký “TM. Ủy ban nhân dân, Phó chủ tịch” là không đúng thể thức văn bản quy định tại Thông tư 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ nội vụ.

[2.2] Tính hợp pháp về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Văn bản số 11/CV-UBND

[2.2.1] Về thẩm quyền: Ông T đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn YT xác định vị trí đất 119m² giao cho hộ ông sau khi dồn điền đổi thửa. Theo quy định tại điều 22, điều 23 Luật Đất đai: Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai tại đại phương, như vậy việc xác định vị trí đất được giao cho các hộ dân thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thị trấn YT, Ủy ban nhân dân thị trấn YT ban hành Văn bản 11 trả lời ông T là đúng thẩm quyền. Theo quy định tại Điều 36, Điều 121, Điều 122 Luật tổ chức chính quyền địa phương, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 110/2004/NĐ-CP ngày 8/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 09 ngày 08/02/2010 của Chính Phủ, đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân có thẩm quyền thay mặt tập thể ký ban hành văn bản của Ủy ban nhân dân. Theo trình bày của ông Nguyễn Văn Lộc - Người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân thị trấn YT: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn YT có phân công cho Phó Chủ tịch giải quyết đơn đề nghị của ông Đỗ Văn T, việc phân công được thực hiện thông qua công tác chỉ đạo điều hành chung, không có văn bản ủy quyền, quy chế làm việc của Ủy ban thị trấn không quy định cụ thể về việc Chủ tịch ủy quyền thường xuyên cho Phó chủ tịch giải quyết đơn thư của công dân. Như vậy, việc Phó chủ tịch ký thay mặt Ủy ban nhân dân thị trấn YT trong Văn bản số 11/CV-UBND là không đúng thẩm quyền.

[2.2.2] Về trình tự, thủ tục ban hành Văn bản 11/CV-UBND: Sau khi tiếp

nhận đơn đề nghị ngày 12/12/2017 của ông Đỗ Văn T, Ủy ban nhân dân thị trấn YT đã tiến hành làm việc với các bên liên quan là ông Đỗ Văn T, ông Vũ Văn H1, thành lập tổ xác minh xác minh tại thực địa, làm việc với cán bộ làm công tác quản lý đất đai cùng thời kỳ, tiểu ban dồn điền đổi thửa khu II YH để xác định vị trí đất và ban hành văn bản trả lời công dân. Tuy nhiên, UBND thị trấn YT không tiến hành làm việc với ông T làm rõ nội dung đề nghị để có căn cứ giải quyết triệt để yêu cầu, không thông báo thụ lý giải quyết đơn là không đảm bảo quy định tại Điều 28 Luật tiếp công dân. Ủy ban nhân dân thị trấn YT ban hành Văn bản 11/CV-UBND dựa trên ý kiến của tiểu ban dồn điền đổi thửa tại Biên bản làm việc ngày 3/4/2018 nhưng biên bản ghi sai địa điểm làm việc đã làm ảnh hưởng đến giá trị và tính khách quan của văn bản.

[2.3] Thời hiệu, thời hạn ban hành Văn bản 11/CV-UBND

Năm 2014 và năm 2015, ông Đỗ Văn T đã có đơn đề nghị gửi Ủy ban nhân dân thị trấn YT, tại phiên tòa ông T xác định nội dung các đơn năm 2014, năm 2015 ông đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn YT giải quyết việc ông Vũ Văn H1 chửi bới ông, đến đơn ngày 12/12/2017 ông đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn YT giải quyết xác định diện tích đất được giao khi dồn điền đổi thửa. Sau khi tiếp nhận đơn, ngày 4/5/2018 Ủy ban thị trấn YT ban hành Văn bản 11/CV-UBND trả lời ông T là đảm bảo về thời hạn theo quy định của pháp luật.

[2.4] Tính hợp pháp và có căn cứ về nội dung của Văn bản số 11/CV-UBND:

Năm 1993, khi chính quyền tổ chức chia ruộng cho nhân dân canh tác, hộ ông T được chia ruộng trong đó có thửa đất 597 tại xứ đồng Tâm Vạc, ông Nghị được chia tại thửa 178, ông H1 được chia tại thửa 177; ông T và ông Nghị đã đổi đất tại hai thửa 597 và 178 cho nhau. Sau đó, ông T lấy thửa đất 178 đã đổi của ông Nghị đổi cho ông H1 để lấy thửa đất 177 cho tiện sử dụng vì thửa 177 nằm giáp ngay sau đất thổ của ông T, còn thửa 178 nằm ở phía ngoài. Phần đất đổi của ông H1 ông T làm ao thả cá. Việc đổi đất được ông T, ông Nghị, ông H1 thừa nhận nhưng không làm thủ tục tại chính quyền địa phương, vì thế trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hồ sơ địa chính thửa 597 vẫn mang tên ông T, thửa 178 mang tên ông Nghị, thửa 177 mang tên ông H1.

Năm 2003, thị trấn YT có tổ chức dồn điền đổi thửa, tiểu ban dồn điền đổi thửa 7 đặt quy hoạch làm mương và rãnh nước phía sau sát khu dân cư dãy 1 đường 12B (phía sau thổ ông T), dự kiến mương thoát nước sẽ đi qua diện tích ao thuộc thửa 177 đã giao cho ông H1 năm 1993 (đất này đã đổi cho ông T và ông T đang sử dụng) và là đất thuộc đội sản xuất số 6 nên đội sản xuất số 7 đã để lại 119m² đất tại vị trí khác ở thửa 179 để đổi vào vị trí dự kiến đào mương thoát nước. Do đất đã cấp cho ông H1 nên tại phiếu thửa năm 2003 (tờ số 5, thửa 179) 119m² đất ghi tên ông H1 mà không ghi tên ông T.

Tại phiếu thửa năm 2003 do Ban dồn điền đổi thửa lập (Bút lục số 41) phần sơ đồ thể hiện có quy hoạch thủy lợi đi qua ao ông T với chiều rộng 4m, trong thống

kê diện tích chia đến từng hộ gia đình, tại sổ thửa 53 ghi Vũ Văn H1 diện tích chia 119m² giao thông, thủy lợi. Vị trí thửa số 53 thuộc tờ bản đồ số 5 thửa 179, có kích thước các cạnh phía bắc dài 7.3m, phía nam dài 7.3m, phía đông dài 18.5, phía tây dài 18.5m. Tại Biên bản xác minh ngày 6 tháng 5 năm 2019 giữa Tòa án nhân dân huyện YM và Ủy ban nhân dân thị trấn YT cho thấy: Khi dồn điền đổi thửa tiểu ban dồn điền đổi thửa khu II YH quy hoạch làm nương và rãnh nước phía sau sát khu dân cư dãy 1 đường 12B với diện tích 119m² và đất này trên sổ địa chính là đất của ông Vũ Văn H1, nhưng lúc đó ông Đỗ Văn T đang sử dụng trồng cây lưu niên và đào ao nên Ban dồn điền đổi thửa có dự kiến trả cho người bị mất diện tích đất đào nương sang vị trí mới, giáp ao ông Hán, lúc đó ban dồn điền đổi thửa ghi tên ông Đỗ Văn T, do đó thửa đất giáp ao ông H1án mới ghi tên ông Đỗ Văn T.

Tại Biên bản xác minh ngày 5 tháng 6 năm 2019, Ủy ban nhân dân thị trấn YT cung cấp: Khi dồn điền đổi thửa năm 2003, Ban dồn điền đổi thửa mục đích làm thủy lợi tưới tiêu sản xuất và thoát nước khu dân cư nên hai đội (đội 6 và đội 7) dự kiến đào nương nhưng thực tế chưa đào nương nên Ủy ban nhân dân thị trấn YT chưa ra quyết định thu hồi đối với diện tích 119m² với lý do đây là thủy lợi nội đồng nên không có bất cứ một quyết định nào. Còn nếu đào nương thì Ban dồn điền đổi thửa sẽ thực hiện chính sách đổi đất ra vị trí khác. Cho đến nay, toàn bộ diện tích đất ao vẫn do ông T trực tiếp quản lý sử dụng, diện tích đất dự kiến để đổi đất khi đào nương tại vành mạ ao ông Hán vẫn do Ủy ban nhân dân thị trấn YT quản lý.

Tại Văn bản số 23/UBND-TNMT ngày 8/1/2020 về việc cung cấp tài liệu giải quyết vụ án hành chính số 01/2019/TLST-HC, UBND huyện YM cung cấp như sau: Năm 2003 dồn điền đổi thửa ao, vườn giữ nguyên còn đất ngoài đồng đã rũ ra chia lại nên diện tích 82m² đất lúa màu (đất vườn sãi) tại thửa 179, tờ 5 không còn nữa mà đã được chia vào tổng diện tích cho gia đình ông T. Sau dồn điền đổi thửa UBND huyện chưa thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông T để chỉnh lý biến động.

Theo sổ địa chính sau dồn điền diện tích đất nông nghiệp của hộ ông T được thể hiện như sau: Tờ bản đồ số 4 thửa 407 địa danh đồng gốc 1.092m² (nhưng thực tế căn cứ vào phiếu chia đất đến từng hộ gia đình là cơ sở để vào sổ địa chính sau dồn điền ghi diện tích 1.091m²), tờ bản đồ số 5 thửa 26 địa danh sau ông My 160m², tờ bản đồ số 5 thửa 179 địa danh lần màu 98m². Tại biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện YM và Ủy ban nhân dân thị trấn YT ngày 27 tháng 5 năm 2020 cho thấy: Căn cứ vào sổ mục kê Ủy ban nhân dân thị trấn đang quản lý, khi dồn điền đổi thửa năm 2003, diện tích đất nông nghiệp của hộ ông T được dồn và chia vào các vị trí: Tờ số 4 thửa 407 địa danh đồng gốc 1091m², tờ số 4 thửa 245 địa danh trung đồng diện tích 1129m², tờ số 5 thửa 883 địa danh mả vánh diện tích 515m², tờ số 5b thửa 26 địa danh sủ đồng sau ông My diện tích 160m²; tổng diện tích hộ ông T được cấp là 2.895m².

Nội dung trả lời của Ủy ban nhân dân thị trấn YT về vị trí diện tích 119m² dự kiến trả cho người bị mất đất khi đào nương tại Văn bản số 11/CV-UBND ngày

4/5/2020 là phù hợp với các tài liệu về quản lý đất đai hiện đang lưu trữ tại địa phương như: Bản đồ địa chính năm 1997; Hồ sơ địa chính năm 1997 của ông Đỗ Văn T và ông Vũ Văn H1; Phiếu thửa năm 2003 (Tờ số 5, số thửa 179) và sổ mục kê năm 2003. Tuy nhiên, theo nội dung đơn đề nghị ngày 12/12/2017, ông T đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn YT xác định vị trí đất được giao khi dồn điền đổi thửa năm 2003. Tại biên bản làm việc giải quyết đơn ngày 31/1/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn YT, ông T trình bày sau khi dồn điền đổi thửa ông được chia ở vườn sãi 82m² và 119m² do Ban dồn điền đổi thửa giao tại thực địa. Việc ông T trình bày hộ gia đình ông được cấp 82m² đất tại khu vực Vườn sãi và 82m² này được đưa vào dồn điền đổi thửa năm 2003 là có căn cứ nhưng trong quá trình giải quyết đơn, do Ủy ban nhân dân thị trấn không làm rõ nội dung đề nghị của ông T dẫn đến chưa giải quyết yêu cầu về việc xác định 119m² được chia khi dồn điền đổi thửa trong Văn bản 11/CV-UBND là giải quyết chưa triệt để yêu cầu của ông T.

Như vậy, Văn bản số 11/CV-UBND của Ủy ban nhân dân thị trấn YT ban hành ngày 04/05/2018 về việc giải quyết đơn đề nghị của ông Đỗ Văn T có sai sót về thể thức, thẩm quyền, trình tự thủ tục, nội dung làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T; việc ông T khởi kiện yêu cầu hủy toàn bộ Văn bản số 11/CV-UBND là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật. Ngày 02/3/2020, UBND thị trấn YT ban hành văn bản số 07/UBND-VP về việc hủy toàn bộ văn bản số 11/CV-UBND. Văn bản số 07 được UBND thị trấn YT ban hành đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[3] Vấn đề bồi thường thiệt hại: Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, ông T không đề nghị Ủy ban nhân dân thị trấn YT bồi thường thiệt hại do việc ban hành Văn bản 11/CV-UBND gây ra. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ ngày 22/05/2019, ông T đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Vũ Văn H1 phải bồi thường cho ông số tiền 33.750.000 đồng do đã súc đất tại diện tích 119m². Tại Biên bản lấy lời khai ngày 05/03/2020, biên bản đối thoại và tại phiên tòa sơ thẩm, ông T đều xác định thiệt hại ông yêu cầu bồi thường là thiệt hại do ông Vũ Văn H1 gây ra, không phải là thiệt hại do việc ban hành Văn bản 11/CV-UBND gây ra. Do vấn đề bồi thường thiệt hại ông T yêu cầu giải quyết không phải là thiệt hại do có Văn bản 11/CV-UBND gây ra nên không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án hành chính, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Trong quá trình giải quyết vụ án, xét thấy việc xem xét thẩm định tại chỗ là cần thiết, Tòa án nhân dân huyện YM, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với diện tích đất 119m² có liên quan đến việc giải quyết vụ án và không thu tiền tạm ứng chi phí của đương sự. Do việc xem xét thẩm định tại chỗ không phát sinh chi phí nên đương sự không phải nộp.

[5] Án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thị trấn YT phải nộp án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 31, Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ vào Điều 22, Điều 23 Luật đất đai 2003, Điều 28 Luật tiếp công dân năm 2013, Điều 5, Điều 36, Điều 121, Điều 122 Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Nghị định 110/NĐ-CP ngày 8/4/2004 của Chính phủ về công tác văn thư được sửa đổi bổ sung tại Nghị định 09 ngày 08/02/2010 của Chính phủ; Thông tư 01/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ nội vụ về hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn T; Hủy toàn bộ Văn bản số 11/CV-UBND ngày 04/05/2018 của Ủy ban nhân dân thị trấn YT. Yêu cầu Ủy ban nhân dân thị trấn YT giải quyết đơn đề nghị của ông Đỗ Văn T theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ủy ban nhân dân thị trấn YT phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hành chính sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện YM;
- Chi cục THADS huyện YM;
- UBND huyện YM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Phạm Diệu Oanh
(Đã ký)**

